

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG-THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 85/2024/HS-ST

Ngày: 04/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG – THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình và ông Trần Hoàng Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:** Ông **Võ Phúc H** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 04 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2024/QĐXXST-HS ngày 23/4/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức H1 (tên gọi khác: **Hạnh K**), sinh ngày 26/7/1993 tại Ninh Thuận; Nơi cư trú: **Thôn T, xã H, huyện N, Ninh Thuận**. Chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận**; Nghề nghiệp: Thợ Sơn; Trình độ văn hóa 04/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Nguyễn Thành H2** và bà **Nguyễn Thị B**; Vợ, con: Chưa có. Tiền sự: không.

Tiền án:

- Ngày 13/9/2016, **Nguyễn Đức H1** bị Toà án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Ngày 23/11/2016, **Nguyễn Đức H1** bị Toà án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Ngày 31/12/2019, **Nguyễn Đức H1** bị Toà án nhân dân thành phố Phan Rang – T, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/10/2022.

Bị cáo **Nguyễn Đức H1** bị tạm giữ từ ngày 31/01/2024, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam **Công an tỉnh N** (có mặt).

- **Người bị hại:**

1. Bà **Trương Thị L**, sinh năm 1964. Nơi cư trú: **Khu phố B, phường Đ, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận** (xin xét xử vắng mặt).

2. Bà **Trần Thị Lệ D**, sinh năm 1962. Nơi cư trú: **Khu phố B, phường V, TP . - T, tỉnh Ninh Thuận** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2023 đến ngày 29/01/2024 **Nguyễn Đức H1** đã thực hiện 02 vụ “Cướp giật tài sản” trên địa bàn **TP . - T**. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 01/9/2023, **Nguyễn Đức H1** nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen (không rõ biển số của **H1**) đi trên các tuyến đường thuộc **thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận**, tìm tài sản để chiếm đoạt. Khi đến **đường L, thuộc khu phố G, phường M, TP . - T**, thì phát hiện anh **Lê Trương Quốc T** (sinh năm 1995, ở **khu phố B, phường Đ**) đang điều khiển xe đạp điện chở mẹ ruột là bà **Trương Thị L** (sinh năm 1964, ở **khu phố B, phường Đ**) ngồi phía sau đang lưu thông cùng chiều với **H1**, trên cổ bà **L** có đeo 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18k có trọng lượng là 01 chỉ. **H1** quan sát xung quanh thấy vắng người qua lại, bà **L** không cảnh giác nên **H1** điều khiển xe mô tô chạy lên áp sát phía bên phải của xe đạp điện, dùng tay trái giật đứt, lấy được sợi dây chuyền vàng của bà **L**, bỏ vào túi quần của mình rồi tăng ga chạy thoát. Sau đó, **H1** đem sợi dây chuyền vừa cướp giật được vào **TP .**, bán cho 01 tiệm vàng (*Không rõ tên và địa chỉ*) được 2.500.000 đồng. Đồng thời, bán xe mô tô dùng làm phương tiện phạm tội cho một người (không rõ nhân thân). Tiền bán vàng và xe mô tô **H1** đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 06 giờ, ngày 29/01/2024, **Nguyễn Đức H1** nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản lấy tiền tiêu xài cá nhân nên mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 85C1-438.33 của ông **Nguyễn Tuấn K1** (sinh năm 1997, ở **khu phố F, phường Đ, TP . - T**). Khi mượn xe, **H1** nói với **K1** là đi công việc nên **K1** đồng ý cho mượn. **H1** tháo biển số xe 85C1-438.33 ra cất giấu trong nhà, rồi sử dụng biển số xe 85F1-112.57 (do **H1** nhặt được trước đó) gắn lên xe mô tô trên. Sau đó, **H1** điều khiển xe đi trên các tuyến đường thuộc **thành phố P - T**, để thực hiện hành vi phạm tội. Khi đến **đường N hướng từ cầu Đ đi đến vòng xoay T** thì **H1** phát hiện bà **Trần Thị Lệ D** (sinh năm 1962, ở **khu phố B, phường V, TP . - T**) đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, màu trắng biển số 85AA-091.60 đi ngược chiều, trên cổ bà **D** có đeo 01 sợi dây chuyền bi, dài 42cm, loại vàng 18k có trọng lượng 3,2 chỉ. **H1** điều khiển xe quay lại chạy theo sau bà **D**. Khi đến **đường V, thuộc khu phố G, phường K, TP . - T**, thấy xung quanh vắng người qua lại nên **H1** điều khiển xe mô tô chạy lên áp sát phía bên phải xe mô tô của bà **D** rồi dùng tay trái giật đứt sợi dây chuyền nhưng chưa lấy được thì bà **D** dùng tay kéo đuôi xe của **H1** lại, đồng thời tri hô “Cướp.. cướp”. Do không làm chủ được tay lái nên cả **H1** và bà **D** đều té

ngã xuống đường. Sợ bị bắt nên **H1** bỏ lại xe mô tô, chạy bộ vào đường hẻm gần đó trốn thoát. Đến ngày 31/01/2024 thì **Nguyễn Đức H1** bị tạm giữ.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTS, ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận**, kết luận: 01 sợi dây chuyền dạng tròn màu vàng, loại vàng 18K có trọng lượng là 01 chỉ vàng, vào ngày 01/9/2023 có giá trị là 3.400.000 đồng.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 14/KL-HĐĐGTS, ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận**, kết luận: 01 sợi dây chuyền bi màu vàng, dài 42cm, loại vàng 18K có trọng lượng là 3,2 chỉ vàng, vào ngày 29/01/2024 có giá trị là 11.840.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo **Nguyễn Đức H1** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và bị cáo không có ý kiến gì đối với các Kết luận giám định nêu trên.

Cáo trạng số 93/CT-VKSPRTC ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát **TP. - T** truy tố bị cáo **Nguyễn Đức H1** về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang – **T** giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Nguyễn Đức H1** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”; Áp dụng: điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức H1** từ 05 năm đến 06 năm tù. Về vật chứng của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Bị cáo không tranh luận; Lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử khoan hồng để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an T1 – T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang – **T**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 01/9/2023 đến ngày 29/01/2024, trên địa bàn **TP. - T, Nguyễn Đức H1** đã 02 lần thực hiện hành vi sử dụng xe mô tô cướp giật của bà **Trương Thị L** 01 sợi dây chuyền vàng, loại vàng 18k, trọng lượng 01 chỉ có giá trị 3.400.000 đồng; Cướp giật của bà **Trần Thị Lệ D**

01 sợi dây chuyền bi màu vàng, dài 42cm, loại vàng 18K, trọng lượng 3,2 chỉ, có trị giá 11.840.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt 15.240.000 đồng. Bị cáo sử dụng xe mô tô (thủ đoạn nguy hiểm) để đi cướp giật tài sản và bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên Viện kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang – T truy tố bị cáo Nguyễn Đức H1 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi phạm tội ngày ngày 29/01/2024, bị cáo đã thực hiện hành vi áp sát và giật giây chuyền của bà Trần Thị Lệ D. Tuy nhiên, bị cáo chưa lấy được giây chuyền thì bị bà D dùng tay kéo đuôi xe của H1 lại, đồng thời tri hô “Cướp.. cướp”. Do không làm chủ được tay lái nên cả H1 và bà D đều té ngã xuống đường. Sợ bị bắt nên H1 bỏ lại xe mô tô, chạy bộ vào đường hẻm gần đó trốn thoát. Đối với lần phạm tội này bị cáo đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản của bà D nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 57 Bộ luật hình sự quy định về phạm tội chưa đạt khi lượng hình đối lần phạm tội này cho bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng do mục đích tư lợi nên vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần có hình phạt tương xứng đối với hành vi của các bị cáo, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, tự thú về hành vi phạm tội trước đó, bị cáo tác động gia đình bồi thường cho bị hại bà Trương Thị L số tiền 3.400.000 đồng, bà L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, r, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan điều tra đã tạm giữ và trả lại cho chủ sở hữu: 01 sợi dây chuyền bi, dài 42 cm, loại vàng 18K có trọng lượng là 3,2 chỉ vàng cho bà Trần Thị Lệ D; 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen; 01 biển số 85C1-438.33 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 3, màu trắng cho ông Nguyễn Tuấn K1. Việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với 01 biển số xe 85F1-112.57 không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử xét cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với ông Nguyễn Tuấn K1, khi cho Nguyễn Đức H1 mượn xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số 85C1-438.33. K1 không biết H1 sử dụng làm phương tiện đi Cướp giật tài sản. Đồng thời, khi biết được H1 đi cướp giật tài sản thì lúc này K1 bị bệnh nên không thể báo với Cơ quan chức năng. Vì vậy, Cơ quan điều tra không đề nghị xử lý đối với ông K1 là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là bà **Trần Thị Lệ D** đã nhận lại tài sản, bà **Trương Thị L** đã nhận tiền bồi thường. Bà **D**, bà **L** không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 3 Điều 57 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Đức H1 (H)** phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức H1** 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/01/2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 85F1-112.57 (Theo biên bản giao nhận vật chứng lúc 15 giờ 30 phút, ngày 09/4/2024 giữa **Công an T1 – T** và Chi cục Thi hành án dân sự TP. Phan Rang – **T**).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Đức H1** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/5/2024. Bị hại vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Công an TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Bị cáo;
- Lưu án văn, hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng

